

# KIỂM NGHIỆM VÙNG KHÁNG CỰ 1.275-1.280 ĐIỂM

### CHIẾN LƯỢC HÀNH ĐỘNG

<b>MUA</b>	Nhà đầu tư tiếp tục xem xét mở vị thế mua trading ngắn hạn khi VN-Index giảm về vùng hỗ trợ quanh 1.250-1.260 điểm. Tập trung ở các ngành có triển vọng lợi nhuận quý 4 tích cực.
<b>BÁN</b>	Nhà đầu tư ngắn, trung hạn nên duy trì tỉ trọng hợp lý, canh bán chốt lời một phần danh mục khi VN-Index tiến tới ngưỡng kháng cự 1.275-1.288 điểm.

### ĐIỂM NHẤN ĐẦU TƯ

SSI

MUA

↑ 7,72%

VND28.600

### NHẬN ĐỊNH XU HƯỚNG VN-INDEX TRONG NGÀY

- **Diễn biến TTCK thế giới:** Phố Wall nghi lễ Giáng sinh.
- **Xu hướng VN-Index ngắn hạn:** VN-Index kết phiên hình thành nền xanh tăng điểm ấn tượng với sự phục hồi mạnh mẽ ở nhóm blue-chips cùng sự gia tăng của thanh khoản mua chủ động. Tuy nhiên, VN-Index đã chạm biên dao động ngắn hạn 1.280 điểm nên vẫn có khả năng chỉ số sẽ giảm co trong phiên ngày mai. Vùng hỗ trợ trong phiên là 1.268 điểm và hỗ trợ chủ đạo cho xu hướng tăng là 1.260 điểm. Chúng tôi khuyến nghị nhà đầu tư cân nhắc chốt lời ngắn hạn đối với các mã đã đạt mục tiêu và đồng thời tận dụng nhịp rung lắc trong các phiên tới để giải ngân từng phần ở những cổ phiếu còn dư địa tăng nhiều đang cho tín hiệu kiểm định vùng hỗ trợ/kháng cự thành công.

### Thị trường thế giới

Chỉ số	Điểm số	%Chg	YTD
<b>Dow Jones</b>	43.297,03	0,91	14,88
<b>S&amp;P 500</b>	6.040,04	1,10	26,63
<b>Nasdaq</b>	20.031,13	1,35	33,44
<b>VIX</b>	14,27	-14,96	14,62
<b>DAX</b>	19.848,77	-0,18	18,49
<b>FTSE 100</b>	8.136,99	0,42	5,22
<b>CAC40</b>	7.282,69	0,14	-3,45
<b>Hang Seng</b>	20.098,29	1,08	17,90

Nguồn: Bloomberg

### ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN-INDEX



### Chỉ báo kỹ thuật

	Ngày	Tuần	Tháng
<b>Xu hướng VN-Index</b>	<b>BUY</b>	<b>BUY</b>	<b>BUY</b>

  

Chỉ báo kỹ thuật	Giá trị	Hành động
<b>RSI (14)</b>	<b>60,65</b>	<b>BUY</b>
<b>MACD (12,26)</b>	<b>4,17</b>	<b>BUY</b>
<b>ADX (14)</b>	<b>13,48</b>	<b>NEUTRAL</b>
<b>SMA5</b>	<b>1.261,87</b>	<b>BUY</b>
<b>SMA20</b>	<b>1.260,86</b>	<b>BUY</b>
<b>SMA50</b>	<b>1.253,86</b>	<b>BUY</b>
<b>SMA100</b>	<b>1.259,89</b>	<b>BUY</b>
<b>SMA200</b>	<b>1.259,65</b>	<b>BUY</b>

## ĐIỂM TIN CHÍNH

- Số liệu mới đây của Ngân hàng Nhà nước cho thấy, tính đến hết quý III/2024, số dư tiền gửi thanh toán của cá nhân đạt hơn 1,19 triệu tỷ đồng, tăng 9% so với đầu năm. Số dư tiền gửi thanh toán hiện chiếm khoảng 17% trong tổng số dư tiền gửi khách hàng cá nhân tại hệ thống ngân hàng (hơn 6,9 triệu tỷ đồng). Mức 1,19 triệu tỷ đồng cũng là mức cao nhất từ trước đến nay của tiền gửi thanh toán của cá nhân tại hệ thống ngân hàng.
- Xuất khẩu dệt may năm 2024 đạt khoảng 44 tỷ USD, Việt Nam vươn lên vị trí thứ 2 sau Trung Quốc về tổng kim ngạch xuất khẩu dệt may, đứng trên Bangladesh. Dự báo kim ngạch xuất khẩu dệt may Việt Nam năm 2025 sẽ đạt mức 46 tỷ USD.
- Xuất khẩu gạo của Việt Nam năm 2024 đã lập mốc kỷ lục mới cả về khối lượng và kim ngạch, với khoảng 9 triệu tấn, đem về 5,7 tỷ USD. Giá gạo xuất khẩu gạo bình quân năm 2024 cũng đạt mức cao nhất từ trước tới nay, với trên 600 USD/tấn.
- VGT:** Tổng Giám đốc Vinatex cho biết ước cả năm 2024, doanh thu hợp nhất toàn Tập đoàn đạt 18,100 tỷ đồng và lãi trước thuế 740 tỷ đồng, tăng lần lượt gần 3% và 38% so với năm 2023.
- MWG:** Theo báo cáo kết quả kinh doanh của CTCP Đầu tư Thế Giới Di Động, 11 tháng đầu năm, MWG ghi nhận doanh thu thuần 122.298 tỷ đồng, tăng 13% so với cùng kỳ năm ngoái và đạt 98% mục tiêu năm. Trong đó, chuỗi Điện Máy Xanh đóng góp 44,4% vào tổng doanh thu, theo sau là chuỗi Bách Hoá Xanh với tỷ trọng 30,6%, chuỗi Thế Giới Di Động (bao gồm Topzone) chiếm 22,4% doanh thu của MWG.
- PVS:** Năm 2025, Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam dự kiến mục tiêu tổng doanh thu 22.500 tỷ đồng, tăng trưởng khoảng 40% so với kế hoạch năm 2024 và giảm hơn 6% so với ước tính năm nay. Lãnh đạo PVS cũng cho biết doanh nghiệp sẽ tiếp tục định hướng tăng cường đầu tư nên lợi nhuận giữ ở mức độ ổn định.
- GVR:** Năm 2025, Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP đặt mục tiêu tổng doanh thu và thu nhập khác đạt 27.494 tỷ đồng, cao hơn 4,5% so với năm 2024. Chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế năm tới là 4.658 tỷ đồng; lợi nhuận sau thuế 3.929 tỷ đồng (tăng khoảng 5% so với ước tính năm nay).
- GAS:** Năm 2024, doanh thu hợp nhất PV GAS đạt gần 105 nghìn tỷ đồng, bằng 150% kế hoạch, tăng trưởng 14% so với năm 2023; lợi nhuận trước thuế đạt trên 13 nghìn tỷ đồng, bằng 182% kế hoạch, tương ứng gần 25% lợi nhuận toàn Petrovietnam.

Nguồn: VPBankS Research

## Thị trường hàng hóa

Chỉ số	Giá (USD)	%Chg	YTD
Vàng	2.616,87	0,17	26,85
Dầu WTI	70,10	1,24	-2,16
Dầu Brent	73,58	1,31	-4,49
Than	126,75	0,00	-13,42
Đồng	8.950,50	0,43	4,57
Quặng sắt	106,51	3,48	-22,77
Thép	476,00	0,95	-15,70

## Thị trường ngoại tệ

Chỉ số	Giá	%Chg	YTD
DXY	108,257	0,20	6,83
USD/JPY	157,15	0,03	-10,25
USD/CNY	7,2984	-0,04	-2,72
EUR/USD	1,0405	0,06	-5,74
GBP/USD	1,2542	0,02	-1,48

## Lãi suất một số NHTW

NHTW	Lãi suất	Cuộc họp tiếp theo	Thay đổi gần nhất
FED	4,75%	18/12/2024	-0,25
ECB	3,40%	12/12/2024	-0,25
BOE	4,75%	19/12/2024	-0,25
BOJ	0,25%	19/12/2024	0,15
SBV	6,50%	-	-50bp

## Top 5 CP có GTGD lớn nhất

Mã CP	GTGD	Giá	%Chg
FPT	345,20	150.400	0,40
HPG	360,07	26.700	-1,11
SSI	316,64	25.950	0,39
MWG	186,84	61.300	0,49
HDB	124,24	23.400	0,00

## Top 5 CP vốn hóa lớn nhất

Mã CP	Vốn hóa	Giá	%Chg
VCB	514.755,31	92.100	-0,32
BID	262.795,80	38.100	-1,30
FPT	221.248,81	150.400	0,40
CTG	194.393,70	36.200	-0,14
HPG	170.779,88	26.700	-1,11

Nguồn: Investing, Bloomberg, VPBankS Research

# SSI

**Khuyến nghị**
**Giá hiện tại**
**Giá mục tiêu**
**Tiềm năng tăng giá**
**Vùng tăng tỷ trọng**
**Ngưỡng cắt lỗ**
**MUA**
**26.550**
**28.600**
**7,72%**
**26.000–26.500**
**<24.800**

## THÔNG TIN CẬP NHẬT DOANH NGHIỆP

- Lũy kế 9 tháng đầu năm, Công ty chứng khoán SSI đạt 6.452 tỷ đồng tổng doanh thu và 2.981 tỷ đồng LNTT, hoàn thành lần lượt 80% và 88% kế hoạch Đại hội đồng cổ đông 2024 thông qua.
- Về cơ cấu, mảng Dịch vụ chứng khoán ghi nhận doanh thu gần 905 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng trong tổng doanh thu với 45%. Dự nợ cho vay margin của SSI đạt hơn 19.000 tỷ đồng, tăng 29,8% so với thời điểm cuối năm 2023 nhờ vào những biến động tích cực của thị trường.

## PHÂN TÍCH KỸ THUẬT CỔ PHIẾU

- SSI đang tạo vùng dao động tích lũy đi ngang trên đường MA50 ngày. Nhà đầu tư trung và dài hạn có thể canh các nhịp điều chỉnh để giải ngân đối với cổ phiếu SSI, vùng mua dự kiến quanh ngưỡng 25.500–26.000 đồng.

## Thông tin tài chính

	FY2022	FY2023	Q3 2024
<b>DTT (tỷ đ)</b>	18.627	13.569	3.077
<b>LNTT (tỷ đ)</b>	6.606	691	95
<b>LNST (tỷ đ)</b>	5.585	530	66
<b>Nợ/VCSH (%)</b>	5	0	30
<b>ROE (%)</b>	43,66	3,20	5,83
<b>ROA (%)</b>	35,20	3,35	4,16
<b>EPS (VNĐ)</b>	13.581	1.030	1666,72
<b>P/E (lần)</b>	3,2	32,3	21,33
<b>P/B (lần)</b>	1,22	1,15	1,26

Nguồn: VPBankS Research

## ĐỒ THỊ KỸ THUẬT CỔ PHIẾU



## Chỉ báo kỹ thuật

	Ngày	Tuần	Tháng
<b>Xu hướng</b>	<b>BUY</b>	<b>BUY</b>	<b>BUY</b>

  

Chỉ báo kỹ thuật	Giá trị	Hành động
<b>RSI (14)</b>	<b>61,40</b>	<b>BUY</b>
<b>MACD (12,26)</b>	<b>0,24</b>	<b>BUY</b>
<b>ADX (14)</b>	<b>24,24</b>	<b>BUY</b>
<b>SMA5</b>	<b>26.160</b>	<b>BUY</b>
<b>SMA20</b>	<b>25.660</b>	<b>BUY</b>
<b>SMA50</b>	<b>25.730</b>	<b>BUY</b>
<b>SMA100</b>	<b>25.930</b>	<b>BUY</b>
<b>SMA200</b>	<b>26.790</b>	<b>SELL</b>

# DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
<b>Danh mục theo dõi</b>										
<b>Danh mục cổ phiếu chạm điểm mua</b>										
1	GMD	Mua	63,8-65	12/11/2024	65	70,2	61,8			2,77%
2	DPM	Nắm giữ	34-35,5	25/11/2024	35,2	38	33			0,57%
3	VCI	Mua	32-33,5	26/11/2024	33,5	36,2	31,4			1,79%
4	HPG	Nắm giữ	26-26,5	5/12/2024	26,5	29	25,2			2,45%
5	PVD	Mua	23,3-23,6	13/12/2024	23,3	26	22,4			2,79%
6	VPB	Mua	18,8-19	17/12/2024	19	20,5	17,9			1,05%
7	SZC	Nắm giữ	41-42	19/12/2024	42	45,8	40			3,57%
8	SSI	Mua	25,5-26	19/12/2024	25,8	28,6	24,8			2,91%

**Lưu ý:** Các mã khuyến nghị đầu tư dựa trên yếu tố dòng tiền đầu cơ và có xu hướng tích lũy/tăng trong ngắn hạn theo phương pháp phân tích kỹ thuật.

## DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
1	MWG	Chốt lời	39,6-40,8	5/6/2023	40,8	54,8	37,8	31/7/2023	54	32,35%
2	NLG	Chốt lời	31,3-32,45	9/6/2023	32	38,3	30,2	18/7/2023	38,3	19,69%
3	MWG	Hạ tỷ trọng	39,6-40,8	5/6/2023	40,8	47,8	37,8	11/7/2023	48,8	19,61%
4	DGW	Chốt lời	54,5-56	16/2/2024	56	63,2	53,9	13/3/2024	64,3	16,07%
5	HCM	Chốt lời	21,1-22	20/12/2023	21,9	24,3	20,4	2/1/2024	25,4	15,98%
6	SSI	Chốt lời	27,8-28,8	26/10/2023	27,2	32,8	26,9	10/11/2023	31,5	15,81%
7	DBC	Chốt lời	20,3-20,6	20/6/2023	20,6	23,6	19,2	6/7/2023	23,85	15,78%
8	DGW	Chốt lời	32,4-33	16/5/2023	33	37,2	30,7	6/6/2023	37,8	14,55%
9	VPB	Chốt lời	18,6-19,2	26/4/2023	19,2	22,6	17,9	1/8/2023	21,95	14,32%
10	ANV	Chốt lời	34,8-36,3	11/9/2023	36,3	41,2	33,8	22/9/2023	41,2	13,50%
11	DGW	Chốt lời	49-51,5	21/11/2023	50	57,8	48	8/1/2023	56,7	13,40%
12	HCM	Chốt lời	25,9-26,3	12/6/2023	26,3	29,5	24,5	5/7/2023	29,8	13,31%
13	SSI	Chốt lời	28,0-28,6	1/8/2023	28,6	33,5	27,4	25/8/2023	32,3	12,94%
14	PVS	Chốt lời	30,4-31,2	22/8/2023	31,2	35,2	29,3	30/8/2023	35,2	12,82%
15	HPG	Chốt lời	24,8-25,8	22/8/2023	25,8	29,1	24	7/9/2023	29,1	12,79%
16	NKG	Chốt lời	17,3-17,7	5/7/2023	17,5	20,4	16,3	21/7/2023	19,7	12,57%
17	KSB	Chốt lời	26,6-27,1	8/6/2023	27,1	30,5	25,2	27/6/2023	30,5	12,55%
18	NKG	Chốt lời	20,3-20,8	24/11/2023	20,8	23,9	19,6	30/11/2023	23,35	12,26%
19	HAH	Chốt lời	34-35,5	23/11/2023	35	40,7	32,9	26/12/2023	39,2	12,00%
20	GVR	Chốt lời	18,9-19,3	28/6/2023	19,3	22,3	18	11/7/2023	21,6	11,92%
21	VCG	Chốt lời	25,5-26,2	18/8/2023	26,2	29,3	24,5	5/9/2023	29,3	11,83%

# DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN GẦN ĐÂY

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
1	HCM	Chốt lời	24,5-25,5	15/8/2024	25,5	30,5	23,8	27/8/2024	29,4	15,29%
2	VCI	Cắt lỗ	46-47,1	22/8/2024	46,9	52,5	44,7	10/9/2024	44,7	-4,69%
3	HCM	Chốt lời	27,5-28,3	17/9/2024	28,2	30,5	26,8	20/9/2024	30,9	9,57%
4	MBB	Chốt lời	22,8-23,3	2/8/2024	23,3	26,1	21,8	26/9/2024	25,75	10,52%
5	DBC	Chốt lời	27,4-28,5	21/8/2024	28,3	32,3	27	15/10/2024	31,3	10,60%
6	GVR	Cơ cấu	33,3-34,5	20/8/2024	34,5	38,3	32,5	22/10/2024	35,3	2,32%
7	DCM	Cắt lỗ	36-37	9/9/2024	37	40,8	35,2	22/10/2024	36,6	-1,08%
8	NKG	Cắt lỗ	20,5-21	18/9/2024	21	23,5	20	22/10/2024	20,5	-2,38%
9	PVT	Cắt lỗ	27,5-28,5	25/9/2024	28,1	31	26,6	22/10/2024	27,6	-1,78%
10	KBC	Cơ cấu	26,5-27	3/10/2024	27	29,8	25,7	22/10/2024	27,2	0,74%
11	HAH	Chốt lời	41-42,5	4/11/2024	42,5	46,3	40	8/11/2024	46,3	8,94%
12	MWG	Cắt lỗ	63,5-65,5	17/9/2024	65,5	72,8	61,8	12/11/2024	61,8	-5,65%
13	HCM	Chốt lời	26-27	19/11/2024	27	29,8	25,7	6/12/2024	29,8	10,37%
14	ANV	Chốt lời	17,8-18,1	27/11/2024	18	19,5	17,3	6/12/2024	20,5	13,89%
15	STB	Chốt lời	30,5-31,5	20/11/2024	31,5	34,5	30	18/12/2024	34,2	8,57%

Email: [Chienluochitruong@vpbanks.com.vn](mailto:Chienluochitruong@vpbanks.com.vn)

Theo dõi chúng tôi tại:



Mở tài khoản VPBankS



## Miễn trừ trách nhiệm:

Các thông tin, số liệu thống kê và khuyến nghị trong bản báo cáo này, bao gồm cả các nhận định cá nhân, được dựa trên các nguồn thông tin công bố đại chúng theo quy định của pháp luật, hoặc các nguồn thông tin mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy tính đến thời điểm phát hành báo cáo. Phòng Chiến lược thị trường chỉ sử dụng mà không thực hiện xác minh lại các thông tin này, do đó Phòng Chiến lược thị trường không đảm bảo về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin này.

Báo cáo được lập với mục đích dự báo, cảnh báo những rủi ro tiềm ẩn có thể xảy ra, được sử dụng như thông tin tham khảo trong nội bộ VPBankS và VPBank. Chúng tôi không chịu trách nhiệm với các lan truyền thông nằm ngoài phạm vi này.

Bản quyền báo cáo thuộc về VPBankS, mọi hành vi sao chép, sửa đổi từng phần hoặc toàn bộ báo cáo là vi phạm bản quyền.



1

## TƯ VẤN ĐẦU TƯ

### Khuyến nghị:

- ACE NĐT vẫn tiếp tục tận dụng những phiên tăng điểm chốt lời ngắn hạn và tái cấu trúc mua lại khi TT điều chỉnh giảm điểm.
- Vùng hỗ trợ chỉ số VNI : 1150-1165.

Khuyến nghị 30/11/2024

Mã CP	NVL	Tỷ lệ
Mua	16-16.5	
Cắt lỗ	<b>Đuối 14</b>	<b>-(-12%)</b>
Chốt lời 1:(50%)	18-19	<b>-(-13%-18%)</b>
Chốt lời 2:(50%)	21-22	<b>-(-18-37%)</b>
Mã CP	MSN	Tỷ lệ
Mua	65-66	
	(Cổ tức DCA vj 41-62)	
Cắt lỗ	<b>Đuối 59</b>	<b>-(-5%)</b>
Chốt lời 1:(50%)	72-75	<b>-(-12%-14%)</b>
Chốt lời 2:(50%)	<b>Nằm gọn</b>	
Mã CP	GEX	Tỷ lệ
Mua	21-21.5	
Cắt lỗ	<b>19.8</b>	<b>-(-4%)</b>
Chốt lời 1:(50%)	23-24	<b>-(-7%-12%)</b>
Chốt lời 2:(50%)	25.5-26	<b>-(-13%-24%)</b>

Ngoài những cp theo nhóm ngành đặc thù đã khuyến nghị, ACE tham khảo thêm CP khác theo khuyến nghị.

2

## CHỐT LÃI HÀNG NGÀY

Mã chứng khoán	MWG
Tổng khối lượng CK	190,000
Giá vốn trung bình	43.34
Góc đầu tư	99,800 đ
Giá trị thị trường	8,280,000,000 đ
Lãi/lỗ (dự kiến)	<b>+679,500,200 đ (6.15%)</b>

### Một số mã cổ phiếu đáng chú ý:

- BMP: Lợi nhuận sau thuế đạt 257 tỷ đồng, tăng nhẹ so với cùng kỳ.
- ANV: Doanh thu đạt 4.439 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế chỉ còn 42 tỷ đồng, giảm lần lượt 9% và 94% so với năm 2022.
- MCM: Doanh thu gần như đi ngang nhưng lợi nhuận sau thuế tăng 8% so với năm 2022.
- MSB: Lợi nhuận trước thuế năm 2023 đạt 5.830 tỷ đồng, tăng nhẹ so với năm 2022.

**Chúc mừng ACE đã mua HPG dưới 27.2 như khuyến nghị ngày 10/1, PVD giá 27.x theo khuyến nghị 22/1.**

3

## THAM GIA NHÓM ZALO



Quét mã hoặc truy cập  
[ginlabs.vn/room](https://ginlabs.vn/room)